

Số: /CCKL-TCHC

Bình Định, ngày tháng 8 năm 2023

V/v xây dựng dự toán ngân sách
nhà nước năm 2024 và kế hoạch
tài chính ngân sách nhà nước 03
năm 2024-2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

Thực hiện Công văn số 2366/SNN-KHTH ngày 24/7/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023 và kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2024-2026.

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026.

Chi cục Kiểm lâm xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2024-2026, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

a) Thu từ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng:

- Tiền phạt 6 tháng đầu năm: 167 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 0,5 tỷ đồng.

- Tiền bán phương tiện, lâm sản bị tịch thu 6 tháng đầu năm: 155 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 1,3 tỷ đồng.

Tổng thu xử lý vi phạm hành chính ước thực hiện năm 2023 là 1,8 tỷ đồng (năm 2022 tổng thu gần 02 tỷ đồng). Tiền thu này, sau khi trích lại chi phí thực tế xử lý vụ việc, số còn lại nộp 100% cho ngân sách nhà nước.

b) Thu phí trong lĩnh vực lâm nghiệp và công trình lâm sinh.

- Thu phí: Áp dụng Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; và Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp 6 tháng đầu năm: 2,75 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 5,5 triệu đồng.

- Số nộp ngân sách 6 tháng đầu năm: 0,55 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 1,1 triệu đồng.

- Số thu được để lại theo quy định 6 tháng đầu năm: 2,2 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 4,4 triệu đồng.

Qua tình hình thực hiện thu phí năm 2023, kết quả thu phí thấp so với kế hoạch giao; bởi vì thay đổi chính sách, một số nhiệm vụ vẫn thực hiện nhưng không còn thu phí nữa. Kinh phí trích để lại đơn vị một năm rất ít, không đủ chi phí trực tiếp phục vụ công tác thu phí.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN năm 2023 và 03 năm 2021-2023

2.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN năm 2023

a) Tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2023:

- Từ đầu năm 2023 sau khi tiếp nhận Dự toán thu, chi NSNN của Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục đã phân bổ, giao dự toán chi cho 10 hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) và cơ quan Chi cục Kiểm lâm theo nội dung và nhiệm vụ chi đúng qui định. Trong 6 tháng đầu năm, các đơn vị rút dự toán ngân sách của từng loại kinh phí sử dụng đúng mục đích, theo nhiệm vụ chi được giao; có tác dụng tích cực thúc đẩy thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ bảo vệ rừng, sử dụng rừng và PCCCR 06 tháng đầu năm và luôn bảo đảm cho bộ máy lực lượng kiểm lâm hoạt động thường xuyên có hiệu quả. Dự kiến cả năm 2023, Chi cục Kiểm lâm thực hiện hoàn thành dự toán ngân sách theo nhiệm vụ chi được giao.

- Qua hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2023, Chi cục Kiểm lâm nhận thấy còn một số khó khăn, vướng mắc như: Kinh phí chi hành chính được giao theo định mức như những đơn vị hành chính khác, trong lúc kiểm lâm là đơn vị đặc thù phải thường xuyên tổ chức tuần tra, truy quét các đối tượng chặt, phá rừng, phần lớn thời gian làm việc ngoài giờ kể cả thứ 7 và chủ nhật, ... nhưng kinh phí chi làm ngoài giờ hạn hẹp.

b) Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ nguồn chi thường xuyên năm 2023:

Tất cả các nhiệm vụ nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, dự kiến đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chi của năm 2023.

2.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên 03 năm 2021-2023

Trên cơ sở số liệu quyết toán năm 2021, 2022 và ước thực hiện cả năm 2023; lũy kế tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN 03 năm 2021-2023 như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

S TT	Nội dung	Tổng kinh phí 03 năm	Chia ra		
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	94.048.032	31.158.259	32.136.773	31.753.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	31.866.964	10.376.875	10.918.089	10.572.000
	Tổng cộng	125.914.996	41.535.134	43.054.862	42.325.000

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2024

Dự toán NSNN năm 2024 được xây dựng đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật về thu, chi ngân sách; đáp ứng các nhiệm vụ chính trị từng lĩnh vực chi của đơn vị, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Dự toán năm 2024, như sau:

1. Dự toán thu

Căn cứ tình hình thực tế thu phí 06 tháng đầu năm 2023, ước tính số thu phí đã nêu trên. Hiện nay, đơn vị không còn nội dung thu phí thẩm định lâm sinh và một số nhiệm vụ lĩnh vực lâm nghiệp thực hiện nhưng không thu phí; Chi cục Kiểm lâm lập dự toán thu phí năm 2024, như sau:

a) Số thu:

TT	Tên loại phí, lệ phí	Văn bản quy định về phí	Dự toán thu		
		Quyết định của UBND tỉnh	Mức thu phí, lệ phí	Số lượng	Thành tiền (Trđồng)
1	Bình tuyển, công nhận rừng giống	Quyết định 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	2.750.000 đồng/01 rừng giống	02	5,5
	TỔNG CỘNG				5,5

b) Số được để lại chi theo chế độ quy định tại Quyết định số 4551/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định: 4,4 triệu đồng (5,5 trđ x 80%); trong đó:

- Khoản chi hoạt động 66%: 2,9 triệu đồng (4,4 trđ x 66%)
- Không khoản chi 34%: 1,5 triệu đồng (4,4 trđ x 34%)

c) Số nộp NSNN: 1,1 triệu đồng.

3. Dự toán chi

a) Dự toán chi NSNN năm 2024 đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng đối tượng, phạm vi sử dụng đối với từng nguồn kinh phí. Dự toán các nhiệm vụ chi giảm so với dự toán Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao năm 2023, cụ thể như sau:

- Báo cáo các nhiệm vụ chi của đơn vị triển khai trong năm 2023:
- + Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đảng;
- + Bồi dưỡng thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg;
- + Trang phục Kiểm lâm;
- + Kinh phí phục vụ xử phạt VPHC theo Thông tư 153/2013/TT-BTC;
- + Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản;
- + Kinh phí phục vụ Ban chỉ đạo Bảo vệ và Phát triển rừng;
- + Kinh phí truy quét chốt chặn bảo vệ rừng;
- + KP trang bị thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ công tác điều tra;
- + Nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng;
- + Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp;
- + Tập huấn nghiệp vụ Kiểm lâm.
- Các nhiệm vụ chi của đơn vị triển khai trong năm 2024 giảm 02 khoản chi, cụ thể:
- + Giảm kinh phí bồi dưỡng thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg; lý do: Theo quy định không còn nhiệm vụ thanh tra.
- + Giảm kinh phí trang bị thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ công tác điều tra; lý do: đã trang bị 04 hạt kiểm lâm, số đơn vị còn lại chưa cần thiết trang bị.

b) Nội dung và mẫu biểu lập Dự toán thu, chi NSNN năm 2024:

b.1. Kinh phí tự chủ:

- Số biên chế năm 2024: Tạm tính bằng số biên chế được Sở Nông nghiệp và PTNT giao năm 2023 tại Quyết định số 15/QĐ-SNN ngày 05/01/2023, là: 171 chỉ tiêu. Trong đó: Biên chế hành chính thực có mặt đến thời điểm ngày 01/7/2023 là 156 người, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu năm 2023 là 15 người.

Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023, tính mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng); bao gồm: Quỹ lương của số biên chế có mặt tính đến thời điểm ngày 01/7/2023, xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển, xác định hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 (2,34), các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

- Kinh phí chi thường xuyên theo định mức: Xây dựng theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương qui định tại Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-SNN ngày 05/01/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức và số lượng người làm việc năm 2023; theo đó, định mức chi biên chế hành chính năm 2024 như sau:

+ Cơ quan Chi cục (26) là 34 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR (7) và 05 hạt kiểm lâm: An Nhơn (7), Hoài Nhơn (10), Phù Cát (10), Phù Mỹ (10), liên huyện Tuy Phước – TP.Quy Nhơn (10) là 37 triệu đồng/biên chế/năm;

+ 05 hạt kiểm lâm: An Lão (20) Hoài Ân (17), Tây Sơn (14), Vân Canh (20), Vĩnh Thạnh (20) là 36 triệu đồng/biên chế/năm.

- Khoản kinh phí thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ: Xây dựng theo định mức tại Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Hiện nay, Chi cục có 12 xe ô tô, hệ số khoán bằng 0,7 lần của mức khoán 360 triệu đồng/đơn vị/năm. Mỗi đơn vị khoán 252 triệu đồng/năm (360 trđ x 0,7).

- Dự toán kinh phí chi thường xuyên:

+ Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản theo lương (*bao gồm phụ cấp, trợ cấp theo Nghị định 76/CP*): 26.772 triệu đồng; trong đó: nhu cầu lương 25.967 triệu đồng, nâng lương 805 triệu đồng.

+ Kinh phí thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ: 3.024 triệu đồng

+ Chi thường xuyên theo định mức: 6.158 triệu đồng

Cộng : 35.954 triệu đồng

(Có danh sách công chức và tiền lương thời điểm ngày 01/7/2023, danh sách tính nâng lương 2024 và các phụ lục kèm theo).

b.2. Kinh phí không tự chủ, chi đặc thù của ngành:

Trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành và dự toán đã được giao các năm trước; dự toán chi không tự chủ năm 2024 là: **11.909 triệu đồng** (Có dự toán, bảng thuyết minh chi tiết dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn năm 2024 và các mẫu biểu kèm theo)

b.3. Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 (lấy b.1 + b.2): **47.863 triệu đồng**; Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu đồng.

(Kèm theo mẫu số 5, 7, 14, 15.1 và các phụ lục 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10).

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2024 – 2026

Qua rà soát các công trình, Chi cục Kiểm lâm xây dựng kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2024-2026, cụ thể như sau:

1. Nhu cầu Dự toán: Năm 2025 là 3.000 triệu đồng (xây dựng mới 01 công trình) và năm 2026 là 5.000 triệu đồng (xây dựng mới 01 công trình)
2. Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024-2026: 8.000 triệu đồng (xây dựng mới 02 công trình).

(kèm theo Biểu số 13, 14, 16, 17 và 19)

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp vào Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính 03 năm 2024-2026 theo nội dung trên, để đảm bảo kinh phí Chi cục Kiểm lâm triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Lê Đức Sáu

**BẢNG THUYẾT MINH CHI TIẾT
DỰ TOÁN CHI MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHI ĐẶC THÙ
CÓ TÍNH CHẤT THƯỜNG XUYÊN
VÀ CÁC KHOẢN CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN KHÁC**
(Kèm theo Công văn số: /CCKL-TCHC ngày 04/ 8/ 2023)

1. Nghiệp vụ hoạt động quản lý, bảo vệ rừng (Chi hoạt động hợp đồng 40 kiểm lâm địa bàn).

a) Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 08/5/2008 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực kiểm lâm địa bàn xã của lực lượng kiểm lâm tỉnh Bình Định đến năm 2010.

- Quyết định số 06/QĐ-CTUBND ngày 05/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc tiếp tục hợp đồng kiểm lâm địa bàn xã theo Đề án Nâng cao năng lực kiểm lâm địa bàn của lực lượng kiểm lâm tỉnh.

- Văn bản số 2410/UBND-NC ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc bổ sung số lượng hợp đồng kiểm lâm địa bàn xã.

- Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Dự toán: 4.412 triệu đồng

- Quỹ tiền lương xác định trên cơ sở mức lương tương đương ngạch, bậc công chức kiểm lâm, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định bao gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; được tính mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng), dự toán là **3.412 triệu đồng**; trong đó:

+ Lao động hợp đồng có mặt ngày 01/7/2023, 30 người: 2.793 triệu đồng; trong đó: nhu cầu lương 2.716 tr đồng, nâng lương 77 tr đồng (có phụ lục 2a, danh sách lương hợp đồng kiểm lâm địa bàn kèm theo, tính nâng lương);

+ Lao động hợp đồng còn thiếu 10 người: 619 triệu đồng (61,9 triệu đồng x 10 người); vận dụng hệ số lương 2,34 trích nộp BHXH, YT, TN và KPCĐ 23,5% nhân 1,8 triệu đồng; tính cho 12 tháng bằng 61,92 triệu đồng/người (tương đương định mức biên chế chưa tuyển).

- Kinh phí chi thường xuyên theo định mức: Áp dụng định mức biên chế sự nghiệp qui định tại Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; định mức 25 triệu/người/năm, dự toán là **1.000 triệu đồng** (25 triệu x 40 người).

2. Kinh phí hoạt động cơ sở Đảng của 10 chi bộ các hạt kiểm lâm

Hỗ trợ kinh phí 10 chi bộ hạt kiểm lâm và 01 đảng bộ bộ phận Chi cục Kiểm lâm; phụ cấp cấp ủy, tiền báo đảng, là: **224 triệu đồng** (có phụ lục 10 kèm theo)

3. Trang phục Kiểm lâm

Căn cứ Quy định tại Điểm b, khoản 3, Điều 12 của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Dự toán: **765 triệu đồng** (có phụ lục 6 và danh sách chế độ trang phục năm 2024, chứng thư thẩm định giá năm 2023 kèm theo).

4. Chi hoạt động liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính

a) Căn cứ lập dự toán:

- Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính.

- Thông tư số 16/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

- Số thu nộp ngân sách từ tiền xử lý vi phạm hành chính năm 2022, ước thu ngân sách năm 2023 và dự kiến khả năng thực hiện năm 2024 của các đơn vị trực thuộc, cụ thể như sau:

- + Đã thu năm 2021: Gần 2 tỷ đồng.
- + Ước thực hiện thu năm 2023: 1,8 tỷ đồng.
- + Dự kiến thu năm 2024: 1,8 tỷ đồng

b) Dự toán kinh phí cho cơ quan Chi cục (vụ việc vượt thẩm quyền xử lý của Hạt, Đội KLCĐ) 10 hạt kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR (11 đơn vị): **1.300 triệu đồng**

Trong đó:

- | | |
|---------------------------------------------|----------------|
| - Công tác phí trong và ngoài tỉnh: | 150 triệu đồng |
| - Mua sắm trang thiết bị: | 100.triệu đồng |
| - Sửa chữa công cụ, dụng cụ, phương tiện: | 100.triệu đồng |
| - Xăng xe đi công tác, kiểm tra, truy quét: | 250.triệu đồng |
| - Chi phí mua tin: | 300.triệu đồng |
| - Thông tin liên lạc: | 50.triệu đồng |
| - Văn phòng phẩm: | 50.triệu đồng |
| - In ấn tài liệu, ấn phẩm truyền thông: | 50.triệu đồng |
| - Hội nghị sơ kết, tổng kết: | 50.triệu đồng |
| - Khen thưởng cho tập thể, cá nhân: | 50.triệu đồng |
| - Bồi dưỡng làm đêm thêm giờ: | 150.triệu đồng |

5. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp tỉnh Bình Định

a) Căn cứ lập dự toán:

- Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Định; và Quyết định số 783/QĐ-SNN ngày 23/11/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định về việc kiện toàn Văn phòng thường trực Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Định.

b) Dự toán: 170 triệu đồng

- Chi hoạt động thường xuyên của Văn phòng Ban Chỉ đạo: 100 tr đồng
 + Phụ cấp kiêm nhiệm: 8tr đồng/tháng x 12 tháng = 96 tr đồng
 + Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, vật tư văn phòng: 04 tr đồng
 - Chi kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình, kiểm tra đột xuất các trọng điểm chặt phá rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, buôn bán lâm sản trái pháp luật: 70 tr đồng
 + Xăng dầu ô tô: 05 tr đồng/đợt x 10 đợt = 50 tr đồng
 + Bồi dưỡng các thành viên tham gia kiểm tra, truy quét ngăn chặn tình trạng phá rừng trái pháp luật, PCCC: 100.000 đồng x 10 người x 20 ngày = 20 tr đồng (áp dụng Điểm b, Khoản 2, Điều 6, Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg)

6. Kinh phí chốt chặn, truy quét bảo vệ rừng.

a) Căn cứ lập dự toán:

Thực hiện Công văn số 4918/UBND-TH ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương lập các chốt chặn của lực lượng kiểm lâm, các trạm, chốt quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn các huyện trong tỉnh; và Công văn số 773/UBND-KT ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương duy trì hoạt động các Trạm kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Số lượng chốt chặn, trạm bảo vệ rừng: 24 chốt, trạm; bao gồm:

S TT	Công văn 4918/UBND-TH ngày 31/10/2016	Công văn 7576/UBND-KT ngày 04/12/2018	Công văn 773/UBND-KT ngày 14/02/2020	Ghi chu
A	Chốt chặn của lực lượng kiểm lâm: 11			
I	Huyện Hoài Ân			
	1. Nghĩa Điền, xã Ân Nghĩa			1
	2. Thôn T2, xã Bok Tới			2
	3. Đắc Mang			3
		1. Thôn T1, Bok Tới	1. Hết hạn	

II	Huyện Tây Sơn			
	1. Bến Thò Đo, Làng Cam, xã Tây Xuân			4
	2. Vực Cây Cây, khu du lịch Hàm Hồ, xã Tây Phú			5
	3. Đập Thò Đo, thôn Nam Giang, xã Tây Giang			6
		1. Làng Kon Mon, xã Vĩnh An	2. <i>Hết hạn</i>	
III	Huyện An Lão			
	1. Dốc Muối, Km 11, xã An Nghĩa			7
	2. An Trung, thôn 5, xã An Trung	1. <i>Bãi bỏ</i>		
	3. An Hưng, thôn 4, xã An Hưng			8
	4. Hồ Sông Vó, thôn 2, thị trấn An Lão			9
		1. Thôn 2, An Vinh	3. <i>Hết hạn</i>	
		2. Thôn 1, An Trung	1. <i>Bãi bỏ</i>	
		3. Thôn 3, An Trung	4. <i>Hết hạn</i>	
		5. Tiểu khu 6, An Hưng	5. <i>Hết hạn</i>	
		6. Thôn 3, An Hưng	6. <i>Hết hạn</i>	
		7. Thôn 2, An Quang	7. <i>Hết hạn</i>	
			1. Thôn 4, Xã An Dũng	10
			2. Cầu Suối Một, xã An Tân	11
IV	Huyện Vân Canh			
	1. Chốt tại khoảnh 3, tiểu khu 377A, xã Canh Thuận			12
B	Chốt, trạm chốt bảo vệ rừng của các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và công ty lâm nghiệp: 14			
I	Huyện Vân Canh			
	1. Làng Canh Tiến, xã Canh Liên			13
	2. Đèo Nha Sam, xã Canh Hiệp			14
II	Huyện Tây Sơn			
	1. Tây Giang, thôn Nam Giang, xã Tây Giang	2. <i>Bãi bỏ</i>		
	3. Tây Phú, thôn Phú Lâm, xã Tây Phú	3. <i>Bãi bỏ</i>		

III	Huyện Hoài Nhơn			
	1. Trạm bảo vệ rừng Dự án JICA2 tại tiểu khu 10, xã Hoài Sơn			15
IV	Huyện Vĩnh Thạnh			
	1. Trạm Dự án JICA2 xã Vĩnh Kim			16
	2. Trạm Hang Hũ, thị trấn Vĩnh Thạnh			17
	3. Chốt K11, xã Vĩnh Hảo	<i>4. Bãi bỏ</i>		
	4. Chốt Tây – Nam Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Thuận			18
	5. Văn phòng Lò Than, tuyến đường ĐT 637, xã Vĩnh Hảo			19
	6. Trạm Nước Poon, xã Vĩnh Thuận			20
	7. Trạm Suối Cát, trên đường ĐT 637 xã Vĩnh Sơn			21
		1. Bờ Đập Hồ Định Bình	<i>2. Bãi bỏ</i>	
		3. Tổ 01 (hồ B) của BQL	<i>8. Hết hạn</i>	
		4. Đak Hlu của Cty	<i>9. Hết hạn</i>	
		5. Kon Trú của BQL	<i>10. Hết hạn</i>	
		6. TK 144 của Cty	<i>11. Hết hạn</i>	
			3. K11, xã Vĩnh Hảo	22
V	Huyện An Lão			
	1. Trạm quản lý bảo vệ rừng An Toàn I, thôn 1			23
	2. Trạm quản lý bảo vệ rừng An Toàn II, thôn 2			24
TC	25	9 (13-4)	- 10 (3-11-2)	24

- Thành phần tham gia mỗi chốt, trạm: 05 người; gồm có kiểm lâm 01 người, ban quản lý rừng 01 người, lâm nghiệp xã 01 người, công an 01 người và dân quân tự vệ 01 người;

- Số lượng người: 120 người (05 người/chốt, trạm x 24 chốt, trạm);

- Thời gian: tạm tính 90 ngày, tính 03 tháng trong năm 2024

b) Dự toán: 1.068 triệu đồng (có phụ lục 09, dự toán chi tiết kèm theo).

7. Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng và đất qui hoạch phát triển rừng.

a) Căn cứ lập dự toán:

- Phòng cháy chữa cháy rừng: Áp dụng Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tuyên truyền công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: Áp dụng quy định tại Thông tư liên tịch số 61/2007/TTLT-BNN-BTC ngày 22/6/2007 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT – Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động cơ quan Kiểm lâm các cấp.

- Theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng: Thực hiện theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

b) Dự toán: 1.520 triệu đồng; trong đó:

- Phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR): 370 triệu đồng, bao gồm:

+ Mua sắm thiết bị PCCCR: 70 triệu đồng

+ Nhiên liệu phục vụ PCCCR: 150 triệu đồng

+ Sửa chữa, bồi thường thiệt hại phương tiện chữa cháy: 50 triệu đồng

+ Chi phụ cấp làm ngoài giờ trực PCCCR các ngày nghỉ (thứ 7 và chủ nhật) trong mùa cao điểm cháy rừng: 150 triệu đồng.

- Tuyên truyền công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: 480 triệu đồng

+ Chi công tác tuyên truyền giáo dục: 170 triệu đồng

* Văn phòng Chi cục : 60 triệu đồng

* Các hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR:

10 triệu đồng x 11 đơn vị = 110 triệu đồng

+ Xây dựng, tu sửa panô tuyên truyền, bảng qui ước: 310 triệu đồng

* Pa nô loại lớn (4m x 6m) : 50 trđồng x 02 bảng = 100 triệu đồng

* Sửa chữa Panô loại nhỏ (3m x 4m): 25 trđồng x 06 bảng = 150 tr đồng

* Bảng qui ước bảo vệ rừng, cấp dự báo cháy rừng: 20 tr đồng x 03 bảng = 60 triệu đồng

- Theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng: 670 trđ

+ Chi ngoại nghiệp : 363 triệu đồng

+ Chi nội nghiệp : 250 triệu đồng

+ Chi chung: 57 triệu đồng

(có dự toán chi tiết kèm theo)

DỰ TOÁN CHI TIẾT
Theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng

T T	Nội dung	Mục/văn bản áp dụng	Số lượng	Đơn vị tính	Định mức (công)	Số công	Hệ số lương	Đơn giá (mức lương cơ sở 1.490.000 đồng)	Thành tiền	Ghi chú
1	Ngoại nghiệp					1344			363.191.564	Làm tròn 363 tr
1.1	Chuyển quân, điều tra khoanh vẽ ngoại nghiệp và rút quân ngoại nghiệp (1 công/người x 112 người/136 xã x 12 tháng = 1344 công)	16-690/QĐ-BNN		Người	1C/ người	1344	3,99	270.095	363.191.564	
2	Nội nghiệp					558,5			500.613.568	Tính 50% khối lượng, Làm tròn 250 tr
2.1	Xử lý số liệu hiện trạng rừng cấp xã (11 huyện x 7,5 công/huyện = 82,5 công)	64-690/QĐ-BNN		Huyện	7,5 C/huyện	82,5	3	203.182	16.762.500	
2.2	Biên tập và in bản đồ trong phòng cấp xã tỷ lệ 1/25.000 phục vụ điều tra, khảo sát ngoại nghiệp (136 xã x 2 công/xã = 272 công)	25-690/QĐ-BNN		Xã	2C/xã	272	2,67	180.832	49.186.255	
2.3	Tổng hợp số liệu hiện trạng rừng cấp huyện (11 huyện x 2 công/huyện = 22 công)	65-690/QĐ-BNN		Huyện	2C/huyện	22	3	203.182	4.470.000	
2.4	Phân tích, đánh giá biến động về diện tích rừng và đất lâm nghiệp cấp huyện (11 huyện x 10 công/huyện = 110 công)	71-690/QĐ-BNN		Huyện	10 C/huyện	110	4,65	314.932	34.642.500	
2.5	Hiệu chỉnh sau kiểm tra thực địa, biên tập, trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp xã 1/25.000 (136 huyện x 15 công/huyện = 2040 công) tính *50% định mức	28-690/QĐ-BNN		Xã	2C/xã	1020	3,63	245.850	250.767.000	
2.6	Biên tập, trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp huyện (11 huyện x 14 công/huyện = 154 công)	69-690/QĐ-BNN		Huyện	14C/huyện	154	3,33	225.532	34.731.900	

2.7	Kiểm tra, lưu trữ bản đồ cấp huyện (11 huyện x 25 công/huyện = 275 công)	70-690/QĐ-BNN		Huyện	25C/huyện	275	4,65	314.932	86.606.250	
2.8	Tổng hợp số liệu hiện trạng rừng cấp tỉnh	73-690/QĐ-BNN		Tỉnh	2C/tỉnh	2	3,33	225.532	451.064	
2.9	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo	45-690/QĐ-BNN		Tỉnh	22C/tỉnh	22	4,65	314.932	6.928.500	
2.10	Viết báo cáo thuyết minh kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp cấp tỉnh	46-690/QĐ-BNN		BC	40 C/BC	40	4,65	314.932	12.597.273	
2.11	Biên tập, trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp tỉnh (14 công/tỉnh)	76-690/QĐ-BNN		Tỉnh	14 C/tỉnh	14	3,66	247.882	3.470.345	
3	Chi phí chung, tổ chức hội nghị								56.900.000	Làm tròn 57tr
a	Chi phí chung								43.250.000	
	- Văn phòng phẩm (mực, giấy ...):								6.500.000	
	- In bản đồ, in màu A0: 11 huyện và 136 xã (05 bộ): (11+136) x 5 x 50.000 đ/bản đồ								36.750.000	
b	Tổ chức hội nghị								13.650.000	
b.1	Hội nghị cấp huyện (11 lần)								12.600.000	
	- Nước uống giữa giờ	72/QĐ-UBND		Người	40.000 đồng/người	180			7.200.000	
	- Tài liệu	72/QĐ-UBND		Bộ	30.000 đồng/bộ	180			5.400.000	
b.2	Hội nghị cấp tỉnh (1 lần)								1.050.000	
	Nước uống giữa giờ	72/QĐ-UBND		Người	40.000 đồng/người	15			600.000	
	Tài liệu	72/QĐ-UBND		Bộ	30.000 đồng/bộ	15			450.000	

8. Mua sắm, sửa chữa tài sản

8.1. Bảo trì, sửa chữa tài sản:

a) Căn cứ lập dự toán:

- Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Công văn số 2676/STC-TCHCSN ngày 06/9/2021 của Sở Tài chính về việc thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản công theo quy định tại Thông tư 65/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Văn bản đề nghị của các hạt kiểm lâm.

b) Dự toán: 2.000 triệu đồng

- Sửa chữa Hạt Kiểm lâm thị xã Hoài Nhơn: 500 tr đồng (Tờ trình đề nghị số 161/TTr-HKL ngày 10/7/2023)

- Sửa chữa Hạt Kiểm lâm liên huyện Tuy Phước – TP. Quy Nhơn: 500 tr đồng (Tờ trình đề nghị số 72/TTr-HKL ngày 09/3/2023)

- Sửa chữa Trạm Kiểm lâm Vĩnh Sơn: 500 tr đồng (Tờ trình đề nghị số 10/TTr-HKL ngày 27/3/2023)

- Sửa chữa Trạm Kiểm lâm Hoài Phú: 500 tr đồng (Tờ trình đề nghị số 161/TTr-HKL ngày 10/7/2023)

(có phụ lục 7; và hồ sơ kèm theo).

8.2. Mua sắm tài sản:

a) Căn cứ lập dự toán:

Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

b) Dự toán: 330 triệu đồng; trang cấp máy vi tính còn thiếu theo quy định và thay thế máy vi tính cũ hiện không sử dụng được (có phụ lục 8 kèm theo).

Cộng (lấy 8.1 + 8.2): 2.330 triệu đồng

9. Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho công chức, hợp đồng kiểm lâm phụ trách địa là **120 triệu đồng;** cụ thể như sau:

a) Lớp thứ nhất: Tập huấn nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng và nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng (02 đợt).

- Căn cứ mở lớp: Các văn bản qui phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; biện pháp, kỹ thuật chữa cháy rừng.

- Nội dung tập huấn: Tập huấn nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng và nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng; khoảng 600 người.

- Địa điểm tập huấn: Tại huyện Quy Nhơn và huyện Phù Mỹ.

- Thành phần tham dự: Các công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng các huyện, tổ đội phòng chống cháy rừng, các hạt kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR, ...

- Thời gian tập huấn: 3 ngày/đợt, dự kiến trong tháng 4 và tháng 5/2024.

- Kinh phí:

+ Tiền thuê hội trường, khẩu hiệu:

03 ngày x 02 đợt x 1.500.000 đồng = 9.000.000 đồng

+ Tiền nước uống: 03 ngày x 15.000 x 600 người = 27.000.000 đồng

+ In ấn tài liệu: 600 tập x 30.000 đồng = 18.000.000 đồng

+ Bồi dưỡng giảng viên:

03 ngày x 02 đợt x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng

Cộng : 60.000.000 đồng

b) Lớp thứ hai: Tập huấn kiểm lâm địa bàn và bồi dưỡng, tập huấn công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (02 đợt)

- Căn cứ mở lớp: Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật về công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; và theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng.

- Nội dung tập huấn: Tập huấn Kiểm lâm địa bàn trong công tác theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng, công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; khoảng 140 người.

- Địa điểm tập huấn: Tại huyện Tuy Phước và huyện Hoài Ân

- Thành phần tham dự: Công chức kiểm lâm, lãnh đạo các hạt, Đội Kiểm lâm cơ động, các doanh nghiệp có ngành nghề về lâm sản, ...

- Thời gian tập huấn: 3 ngày/đợt, dự kiến trong tháng 8 và 9/2024.

- Kinh phí:

+ Tiền thuê hội trường, khẩu hiệu:

03 ngày x 02 đợt x 1.500.000 đồng = 9.000.000 đồng

+ Tiền nước uống: 03 ngày x 15.000 x 600 người = 27.000.000 đồng

+ In ấn tài liệu: 600 tập x 30.000 đồng = 18.000.000 đồng

+ Bồi dưỡng giảng viên:

03 ngày x 02 đợt x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng

Cộng : 60.000.000 đồng